

đó chỉ có 1 dự án sân golf. Còn lại là các dự án sản xuất công nghiệp, hoàn toàn không có dự án nào về khách sạn hoặc dịch vụ. Nhưng tỷ lệ dự án 100% vốn nước ngoài tương đối cao.

Sông Bé: 1994 là năm bột phát, tăng gần 600% với năm 1993.

6. Tình hình đầu tư phân theo nước đầu tư (tính đến tháng 9.1994, chỉ tính 10 nước đứng đầu)

STT	Nước	Số dự án	Vốn đầu tư
1	Đài Loan	148	1,639 tỉ
2	Hồng Kông	204	1,399 tỉ
3	Hàn Quốc	83	0,767
4	Úc	47	0,717
5	Pháp	57	0,636
6	Singapore	70	0,607
7	Nhật	63	0,416
8	Hà Lan	11	0,266
9	Anh	14	0,202
10	Các nước SNG	32	0,147

Trong 10 nước đứng đầu, có thể chia làm 2 nhóm châu Á và Tây Âu.

Trong khi các nước Tây Âu sớm vào VN với trọng tâm là lĩnh vực dầu khí thì các nước châu Á tuy xuất hiện có phần muộn hơn, nhưng với tốc độ ngày càng nhanh, quy mô ngày càng lớn, trải rộng trên nhiều lĩnh vực, từ khai thác dầu khí, điện tử, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng khách sạn đến sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến thực phẩm. Cho đến nay, các nước châu Á chiếm trên 50% dự án với gần 60% vốn đăng ký.

7. Một số kết quả chính do đầu tư các nước mang lại cho VN

* Về lao động: số lao động làm việc trong các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài khoảng 6,5 vạn người, số lao động tham gia xây dựng các công trình khoảng 10 vạn người, ngoài ra còn hàng vạn lao động làm các công tác dịch vụ có liên quan.

* Về xuất khẩu: Năm 1993 các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài xuất khẩu 169 triệu USD (không tính dầu thô), năm 1994 đạt khoảng 300 triệu USD, chiếm khoảng 8,3% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước và khoảng 20% hàng công nghiệp xuất khẩu.

* Góp phần làm nghĩa vụ tài chính đối với VN: 1993 đạt 120 triệu USD, kể cả hoa hồng chữ ký dầu khí 1994: 128 triệu USD.

Kim ngạch xuất khẩu, phần nghĩa vụ tài chính thấp là điều dễ hiểu trong giai đoạn đầu, vì các dự án lớn (chiếm khoảng 70% tổng số vốn đăng ký) đang trong giai đoạn chuẩn bị triển khai hoặc xây dựng cơ bản, chưa có nguồn thu. Mặt khác, những dự án đi vào sản xuất-kinh doanh trong vài năm đầu nói chung chưa có lời, hơn nữa đa số các dự án được miễn, giảm thuế lợi tức trong 1-2 năm đầu.

- Một kết quả quan trọng là tiếp nhận được một số vốn kỹ thuật, công nghệ tiên bộ trong nhiều ngành kinh tế như thông tin viễn thông, thăm dò dầu khí, công nghiệp điện tử, sản xuất lắp ráp ô tô, xe máy, hóa chất, nông nghiệp (trồng rau, trồng chuối, nấm theo phương pháp công nghệ sinh học tiên tiến, nuôi tôm nước lợ theo phương pháp công nghệ...)

Bên VN, trong quá trình hợp tác với bên ngoài đã tiếp nhận được một số phương pháp quản lý tiên bộ, một số kinh nghiệm tốt về tổ chức sản xuất-kinh doanh.

- Thông qua hợp tác đầu tư nước ngoài, đã nhanh chóng mở rộng hoạt động kinh tế đối ngoại, từng bước đưa nền kinh tế VN hội nhập với nền kinh tế thế giới ■

(Còn tiếp 1 kỳ)

Tham luận tại Hội thảo do Đại học Quốc gia Úc tổ chức ở Hà Nội từ 8 - 10.5.1995

22 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) với 11 tỉnh: Long An, Tiền Giang, Cần Thơ, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Trà Vinh, Kiên Giang, Minh Hải, Bến Tre, Đồng Tháp và An Giang với khoảng gần 16 triệu người. Diện tích đất gần 40 ngàn ha, chiếm 12% diện tích cả nước. Trong đó 2595 ngàn ha đã sử dụng vào nông nghiệp và 600 ngàn ha có khả năng nông nghiệp. Khí hậu ĐBSCL tương đối ôn hòa, đất đai màu mỡ, bờ biển dài, sông rạch, ao hồ nhiều tạo khả năng đa dạng hóa vật nuôi, cây trồng như lúa, nước, bắp, cao lương, đậu tương, đậu, cói, cây ăn trái, heo, gia cầm, tôm, cá... ĐBSCL là vựa lúa trọng điểm của cả nước, giàu nguồn thực phẩm, có khả năng sản xuất hàng hóa nông phẩm cao. Có thể nói trung tâm ĐBSCL là thành phố Cần Thơ. Bên cạnh đó còn chịu sự tác động mạnh mẽ của trung tâm văn hóa, khoa học kỹ thuật, kinh tế của khu vực phía Nam là TP.HCM, tạo khả năng giao lưu mạnh mẽ một cách toàn diện về kinh tế, xã hội có ảnh hưởng thuận lợi tới việc khai thác các tiềm năng to lớn của ĐBSCL trong tiến trình thực hiện công nghiệp hóa kinh tế nông nghiệp, nông thôn ĐBSCL.

Ưu thế lớn của ĐBSCL là kinh tế nông nghiệp. Tuy diện tích tự nhiên của ĐBSCL nhỏ hơn so với các vùng kinh tế khác nhưng lại chiếm trên 40% tổng diện tích canh tác lúa, 20% diện tích cây lâu năm, 45% sản lượng mía, 15% đậu nành, 28% hải sản đánh bắt hàng năm của cả nước. Trong đó Hậu Giang, An Giang, Đồng Tháp là những tỉnh dẫn đầu về sản lượng thực của cả nước đạt trên 1 triệu tấn/năm, Bến Tre, Hậu Giang dẫn đầu về năng suất mía của cả nước đạt trên 0,5 tấn/ha; An Giang, Đồng Tháp có năng suất đậu tương lớn nhất nước... Ngoài ra mỗi tỉnh đều có thế mạnh của mình, nếu được đầu tư, khai thác tốt hơn như tăng diện tích gieo trồng sẽ có hiệu quả kinh tế lớn như: cây khoa lang đối với Hậu Giang, An Giang, cây lạc ở ĐBSCL mới trồng trên 1 diện tích 17.000 ha (riêng An Giang đã chiếm trên 10.000 ha); cây cói ở Đồng Tháp; cây dừa ở Tiền Giang, Bến Tre; cây điều, cây hồ tiêu ở Kiên Giang... Chăn nuôi ở ĐBSCL rất quan trọng đối với khu vực phía Nam. Song so với tiềm năng của mình, một khu vực giàu nguồn thực phẩm thì chăn nuôi gia súc, gia cầm ở ĐBSCL còn quá khiêm tốn. Chẳng hạn ĐBSCL có bình quân 300 nghìn con heo/tỉnh. Riêng tỉnh Long An và Minh Hải có được trên 100 nghìn con trâu trong tổng số gần 3 triệu con của cả nước. Nếu ngành chăn nuôi ở ĐBSCL được chú trọng phát triển đúng mức chắc chắn sẽ tạo nên một

thế mạnh toàn diện về nông nghiệp và thực sự trở thành vùng kinh tế nông nghiệp mạnh không riêng gì đối với nước ta.

Nông nghiệp ĐBSCL không chỉ là nơi cung ứng hàng hóa nông sản quan trọng cho cả nước, trước hết là các tỉnh phía Nam mà còn là một thị trường to lớn tiêu thụ các sản phẩm của công nghiệp và dịch vụ. Chính điều đó tạo nên một sự luân chuyển sôi động các sản phẩm hàng hóa sức lao động, vật tư, tiền vốn... các yếu tố của sản xuất trong nền kinh tế thị trường, tạo khả năng thúc đẩy to lớn trong quá trình phát triển kinh tế của đất nước. Để đánh thức tiềm năng to lớn của nông nghiệp ĐBSCL theo tôi cần lưu ý các vấn đề chủ yếu sau đây:

1. Phát triển kinh tế nông nghiệp ĐBSCL theo hướng sản xuất hàng hóa vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước

Kinh tế hàng hóa đã chứng minh được ưu thế của nó trong tiến trình phát triển kinh tế của loài người, vì vậy việc tạo lập và phát triển mạnh mẽ sản xuất nông sản hàng hóa ở ĐBSCL là một quan điểm đúng, phù hợp với quy luật.

Việc thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách kinh tế nhiều thành phần trong nông nghiệp ĐBSCL là một động lực to lớn thúc đẩy sản xuất hàng hóa ở khu vực này. Một mặt khẳng định vị trí, vai trò của nông hộ, hỗ trợ tích cực để kinh tế nông hộ phát triển một cách vững chắc, nhất là khuyến khích, giúp đỡ để những người có khả năng tạo lập trang trại nông hộ ở những vùng khai hoang, mặt khác phải tính đến hình thức chủ nghĩa tư bản nhà nước trong nông nghiệp ở ĐBSCL. Không nên phát triển một cách đơn điệu hình thức nông hộ nông nghiệp. Vì điều đó sẽ đưa tới hậu quả kéo quá dài thời gian sản xuất thuần túy manh mún, bé nhỏ trong nông nghiệp. Hình thức chủ nghĩa tư bản nhà nước trong nông nghiệp là một công cụ quan trọng trong nhiều công cụ nhằm xác lập sự quản lý của nhà nước về kinh tế nông nghiệp thị trường ở nước ta hiện nay.

2. Phát triển kinh tế thị trường nông thôn ĐBSCL

Trong kinh tế hàng hóa sản xuất phải gắn với thị trường. Thị trường là cơ sở, là mục tiêu, là động lực, là định hướng của sản xuất hàng hóa nói chung và của sản xuất hàng hóa nông sản nói riêng. Việc thúc đẩy để sản xuất nông nghiệp ở ĐBSCL gắn với thị trường cả nước và thị trường nông sản thế giới là một trong những yếu tố quyết định đối với sản xuất nông sản hàng hóa ở ĐBSCL. Mở rộng sản xuất nông sản hàng hóa phải đi đôi với việc chiếm lĩnh, mở rộng thị trường nông sản.

NÔNG NGHIỆP ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN

Thạc sĩ LÊ HÙNG

Khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ sinh học phải trở thành động lực, "người bạn" đồng hành trong quá trình đánh thức tiềm năng phát triển kinh tế nông nghiệp ĐBSCL. Ứng dụng tốt thành tựu khoa học và công nghệ và nông nghiệp một cách toàn diện từ trồng trọt, chăn nuôi đến bảo quản, chế biến sẽ tạo được khả năng nâng cao năng suất, giá trị nông sản hàng hóa và giảm hao hụt nông sản trong thu hoạch, bảo quản.

3. Chính sách hỗ trợ của chính phủ đối với nông nghiệp ĐBSCL

Nông dân ĐBSCL còn nghèo, vì vậy để phát triển nông nghiệp ở vùng này đòi hỏi chính phủ phải có sự quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ một cách toàn diện cả về kinh tế và xã hội. Đó là đào tạo nguồn nhân lực nông nghiệp; chính sách ruộng đất, chính sách thuế, khả năng đầu tư bằng ngân sách và cho vay vốn của ngân hàng.

Đã đến lúc nhà nước phải có chính sách huy động cao một số nguồn thu cho ngân sách trong một số ngành nghề... và sử dụng một cách tích cực trong đầu tư cho ĐBSCL, vùng kinh tế trọng điểm, nhiều tiềm năng, để ĐBSCL có khả năng cống hiến "tài sản" của nó cho đất nước. Cần cải tiến hơn nữa thủ tục cho vay của ngân hàng đối với sản xuất nông nghiệp, không nên vì thủ tục rườm rà mà để các nguồn vốn cho vay sản xuất nông nghiệp (kể cả lúc thì vốn trung, dài hạn; lúc thì vốn ngắn hạn) bị khê đọng ở Ngân hàng Nông nghiệp như đã từng xảy ra.

4. Chuyển dịch hợp lý, năng động cơ cấu nông nghiệp ĐBSCL

Thực tiễn đã cho thấy độc canh trong nông nghiệp thường mang lại hiệu quả kinh tế thấp. Vì vậy phải kết hợp hợp lý giữa chuyên canh và đa canh trong cây trồng, vật nuôi. Trồng gì, nuôi gì, bao nhiêu, và lúc nào của nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường là do nhu cầu thực tế của thị trường quyết định. Do đó sản xuất nông sản hàng hóa cũng phải hết sức năng động và kịp thời. Các "bài học" về khai tây ở các tỉnh phía Bắc, đưa hâu ở các tỉnh phía Nam... trước đây là những bài học rút ra từ kinh tế thị trường.

Phát triển nông nghiệp phải gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, và nên chăng đã đến lúc cần chấm dứt đô thị hóa ở ạt trên các mặt tiền đường giao thông lớn đi qua nông thôn nói chung và ĐBSCL nói riêng. Cần nghĩ đến "nông cảnh" để giữ lấy sắc thái riêng của nông nghiệp, nông thôn Việt Nam. Cần nghĩ đến "du lịch nông nghiệp" ở ĐBSCL, một lợi thế kinh tế của miền nhiệt đới bốn mùa xanh tươi.

Trên đây là một số suy nghĩ về những vấn đề chủ yếu mang tính quan điểm nhằm đánh thức những tiềm năng trong phát triển nông nghiệp vùng ĐBSCL, một trong các vùng kinh tế nông nghiệp trọng điểm của cả nước. Trong giai đoạn thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa trước hết với kinh tế nông nghiệp, nông thôn nước ta hiện nay ■